

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC

THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG ĐẦU NĂM



Chỉ số SX công nghiệp

T10 so cùng kỳ

▼ **3,47%**

Lũy kế 10T so cùng kỳ

▼ **2,07%**



Thu NSNN ▼ **27,11%**

Chi NSNN ▲ **15,42%**

Lũy kế 10T so cùng kỳ



Tổng mức BLHH & doanh thu DVTD

T10 so cùng kỳ

▲ **11,11%**

Lũy kế 10T so cùng kỳ

▲ **20,65%**



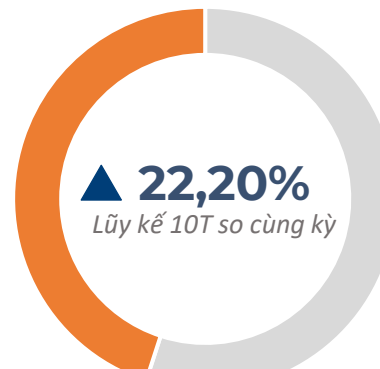
Xuất nhập khẩu

Kim ngạch XK ▲ **8,75%**

Kim ngạch NK ▲ **0,42%**

Lũy kế 10T so cùng kỳ

VĐT thực hiện NSNN



Thu hút đầu tư trực tiếp

Tính đến ngày 15/10/2023

65 dự án **FDI**

Tổng vốn đăng ký ▲ **78,48%**

29 dự án **DDI**

Tổng vốn đăng ký ▲ **115,49%**

Nghân hàng

So với cuối năm 2022

▲ **9,51%**



▲ **5,36%**

Tổng nguồn vốn huy động

Tổng dư nợ cho vay

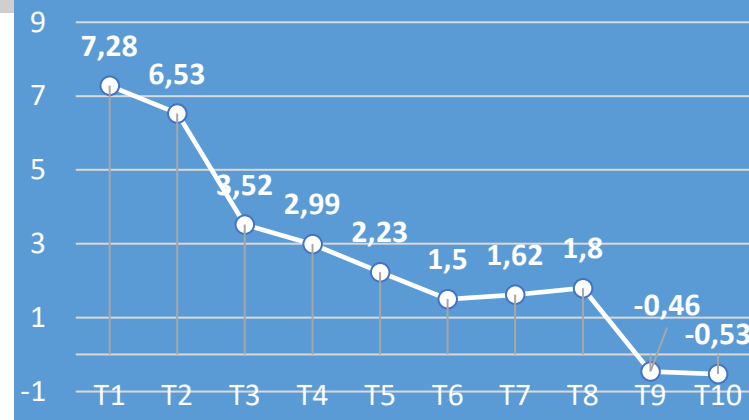
1564

DN thành lập mới và quay trở lại hđ

787

DN rút lui khỏi thị trường

Đăng ký doanh nghiệp



CPI các tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)

I.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Trồng trọt

- Thu hoạch vụ mùa: Tính đến 15/10/2023 bà con nông dân trong tỉnh đã thu hoạch xong các cây trồng chính và tiếp tục thu hoạch các cây còn lại. Ước tính sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu và so với cùng kỳ như sau: Cây lúa sản lượng đạt 133.511,25 tấn, tăng 1,45%; cây ngô đạt 7.171,95 tấn, giảm 14,69%; cây sắn đạt 16.746,39 tấn, giảm 4,27%; cây lạc đạt 1.039,97 tấn, tăng 6,56%; rau các loại sản lượng đạt 48.970,75 tấn, giảm 0,12%.

- Tiến độ gieo trồng vụ đông: toàn tỉnh đã gieo trồng được 11.729,2 ha cây trồng các loại, đạt 79,25% kế hoạch, tăng 2,48% (+284,13 ha) so với cùng kỳ.

2. Chăn nuôi

Ngành vẫn phải đối mặt với những khó khăn do biến động giá và các yếu tố thị, đặc biệt là chăn nuôi lợn. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 10 ước đạt 10.218 tấn, tăng 2,67% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm ước đạt 108.702 tấn, tăng 2,92%.

Sản lượng một số sản phẩm nông nghiệp

Vụ mùa 2023

133,5 nghìn tấn

▲ **1,45%**



Lúa

7,2 nghìn tấn

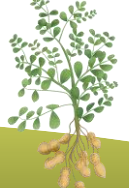
▼ **14,69%**



Ngô

1.040 nghìn tấn

▲ **6,56%**



Lạc

10 tháng đầu năm 2023

▼ **3,30%**



Thịt trâu, bò

▲ **7,86%**



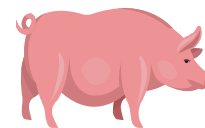
Sữa bò tươi

▲ **2,86%**



Sản lượng gỗ

▲ **3,14%**



Thịt lợn

▲ **3,6%**



Thịt gia cầm

▲ **3,29%**



Sản lượng thủy sản

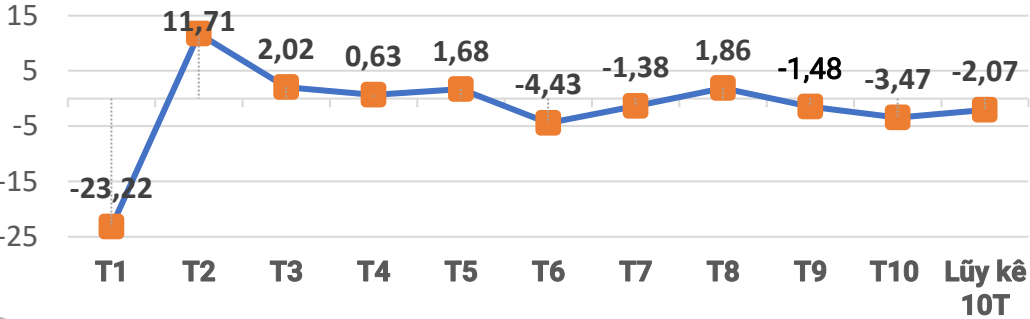
II.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1.Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Sản xuất công nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Tháng 10/2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 8,02% so với tháng trước và giảm 3,47% so với cùng kỳ.

Tính chung quý 10 tháng, IIP giảm 2,07% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng IIP so với cùng kỳ (%)



▼2,07%

IIP 10T so với cùng kỳ (%)

2. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho



▼ 8,73%

10T/2023 so với cùng kỳ

Chỉ số tiêu thụ

toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



▼ 10,91%

T10 so với tháng trước

Chỉ số tồn kho

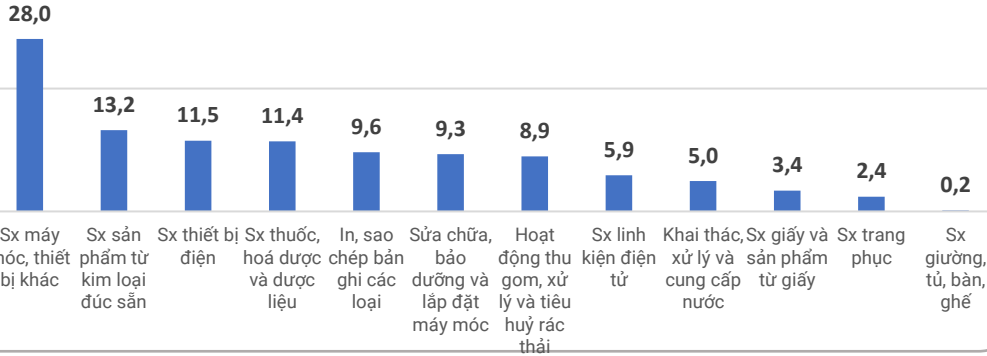
toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Có 12/24

ngành cấp 2

IIP

10 tháng ▲

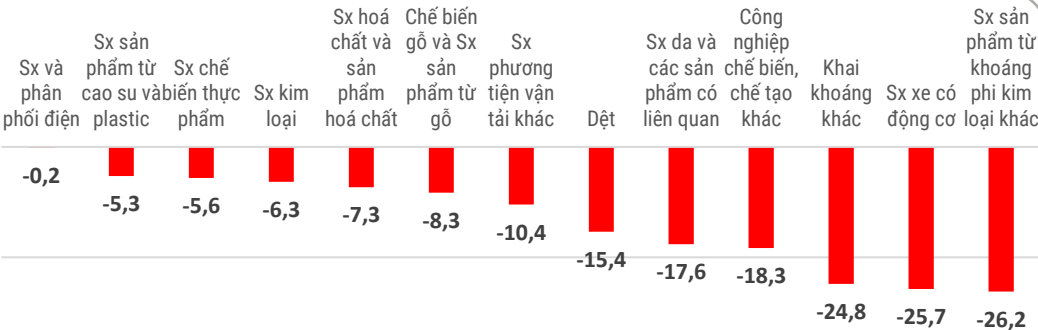


Có 12/24

ngành cấp 2

IIP

10 tháng ▼



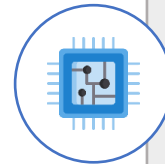
II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

2. Các ngành công nghiệp chủ lực

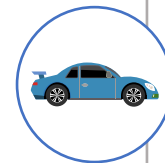
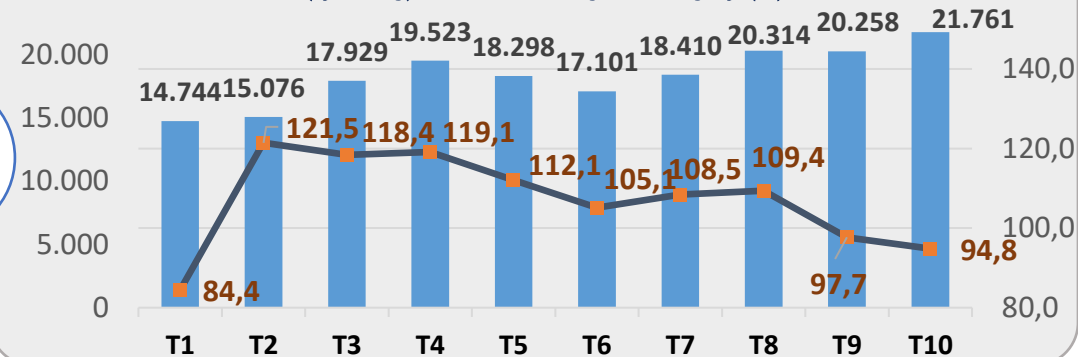
Ngành sản xuất linh kiện điện tử đang ghi nhận mức giảm 2 tháng liên tiếp (tốc độ tăng IIP tháng 9 và tháng 10 là -2,31% và -5,16%), tính chung 10 tháng IIP tăng 5,87%, là mức tăng thấp nhất của 10 tháng đầu năm giai đoạn 2019 - 2023.

Ngành sản xuất xe ô tô: sau gần bốn tháng thực hiện chính sách ưu đãi lệ phí trước bạ của Chính phủ có hiệu lực, sức mua ô tô được nhận định chưa đạt như kỳ vọng. So với cùng kỳ, tốc độ tăng IIP tháng 10 và 10 tháng đầu năm lần lượt là +1,73% và -25,69%.

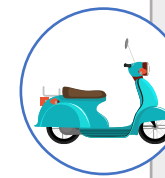
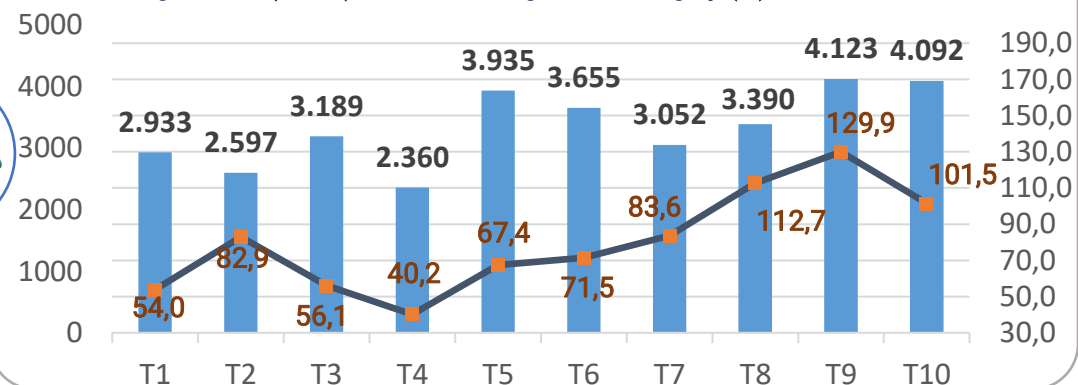
Ngành sản xuất xe máy từ đầu năm chỉ có IIP tháng 2 là tăng trưởng dương so cùng kỳ, mức giảm IIP của tháng 10 và 10 tháng đầu năm lần lượt là -3,51% và -10,44%.



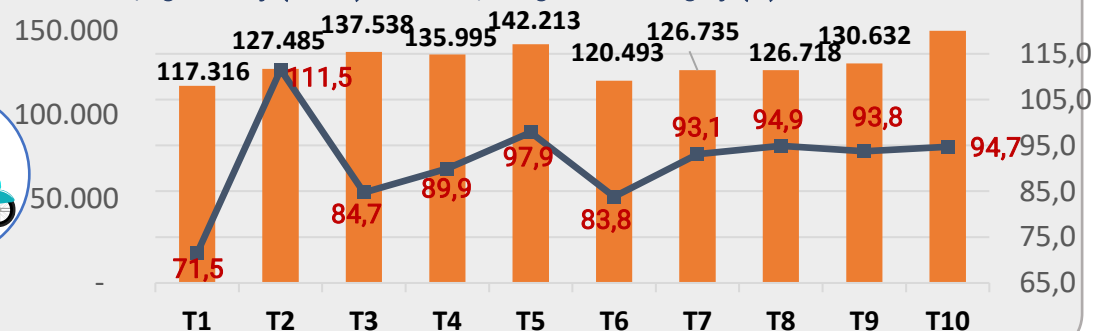
Doanh thu linh kiện (tỷ đồng) và tốc độ tăng so cùng kỳ (%)



Sản lượng xe ô tô (chiếc) và tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)



Sản lượng xe máy (chiếc) và tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)



III. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và vận tải

Trong tháng 10/2023, thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định và đa dạng về sản phẩm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2023 ước đạt 6.980,5 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng Chín và tăng 11,11% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 66.822,4 tỷ đồng, tăng 20,65% so với cùng kỳ.

Vận tải: Tháng Mười, hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định, 06 tuyến xe buýt đã tái khởi động sau hơn một năm tạm ngừng, giúp cải thiện đi lại cho người dân, giảm ùn tắc giao thông, và tăng doanh thu ngành vận tải hành khách đường bộ. Doanh thu toàn ngành ước đạt 572,1 tỷ đồng, tăng 24,92% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm doanh thu vận tải ước đạt 4.992,8 tỷ đồng, tăng 18,47% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách

Vận chuyển ▲ **19,83%**

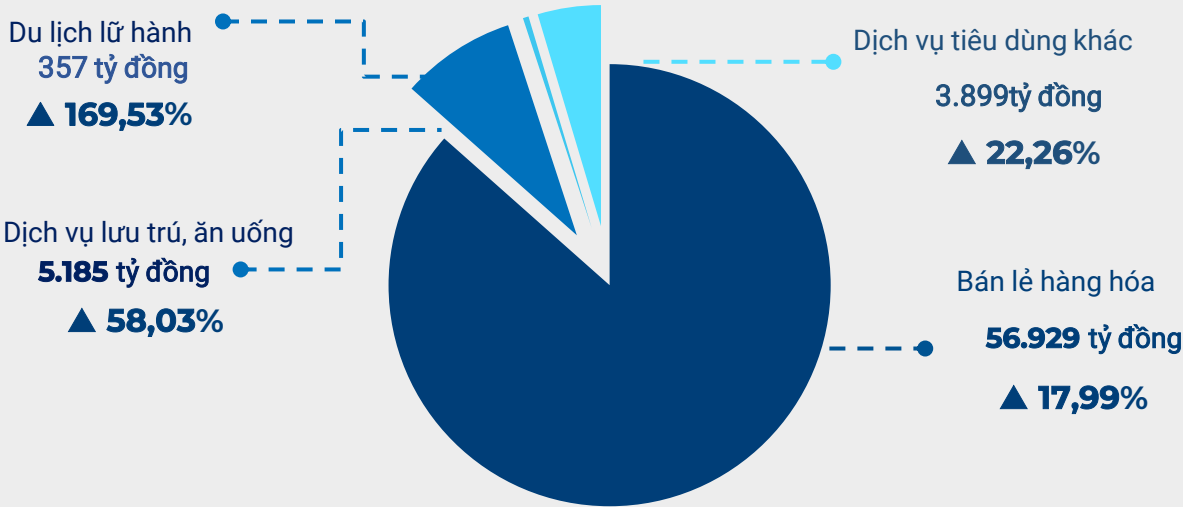
Luân chuyển ▲ **24,23%**

Vận tải hàng hóa

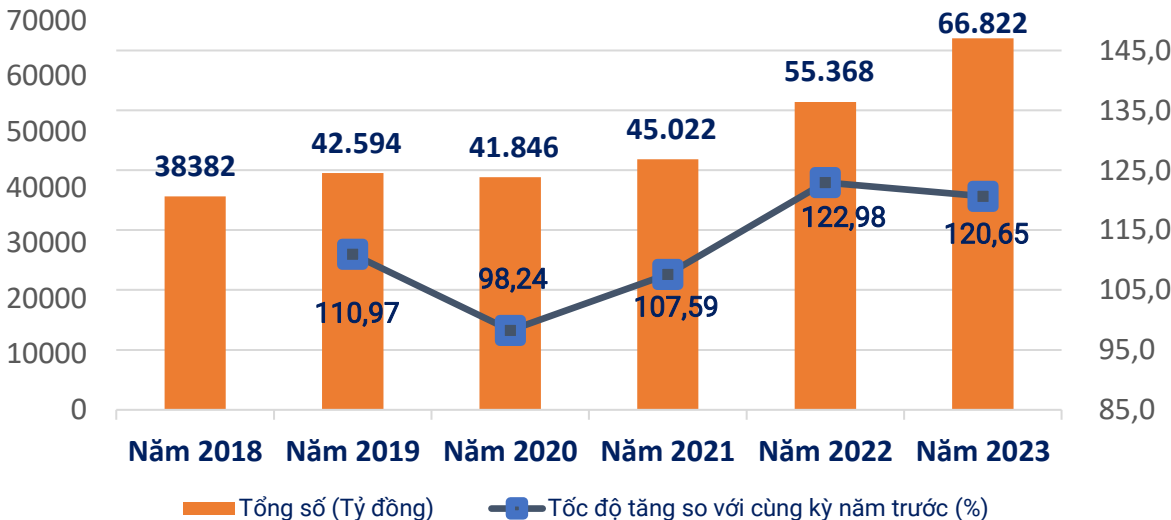
Vận chuyển ▲ **33,23%**

Luân chuyển ▲ **38,38%**

10 tháng đầu năm so với cùng kỳ



Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đầu năm

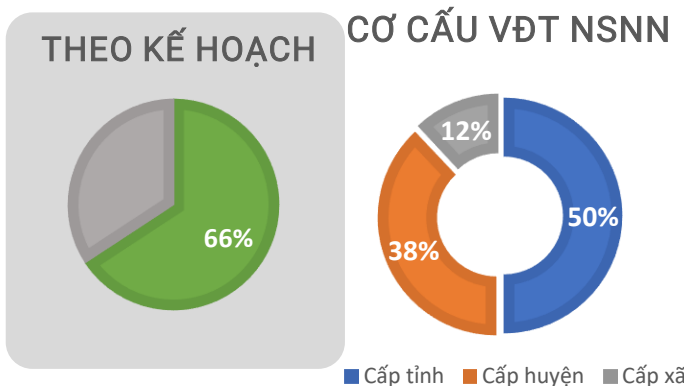


Quy mô và tốc độ tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

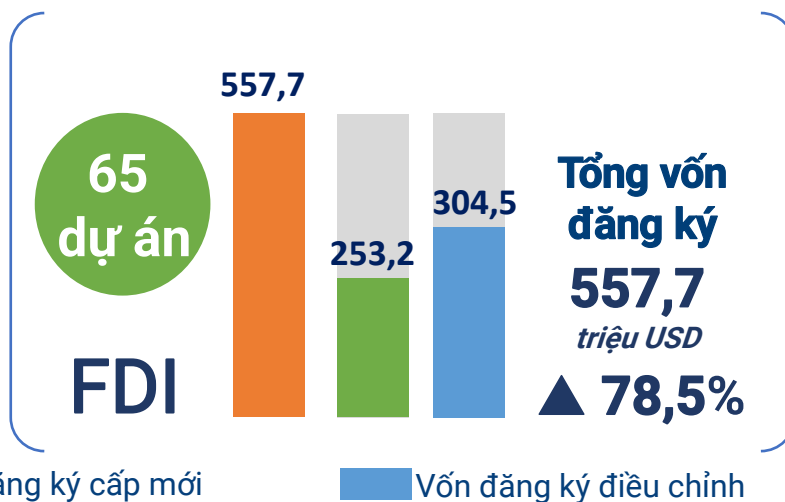
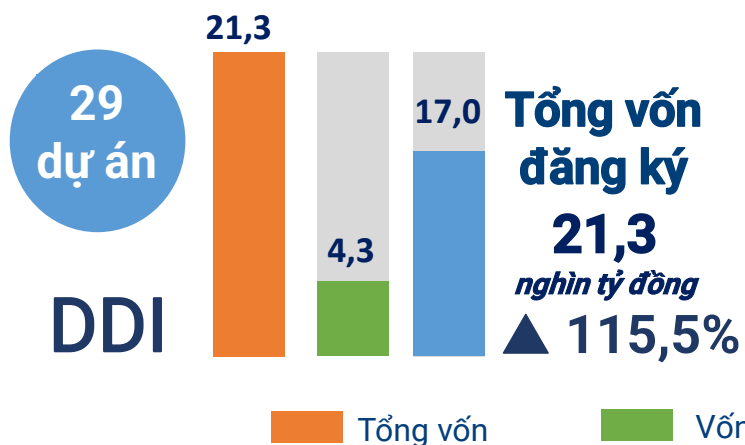
IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư thực hiện NSNN

Mười tháng đầu năm 2023, tiến độ thực hiện vốn đầu tư nguồn NSNN do địa phương quản lý tiếp tục được đẩy nhanh, đạt 7.102,9 tỷ đồng, tăng 22,20%, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vượt trội hơn so với cùng kỳ năm là 65,74% kế hoạch giao (cùng kỳ năm 2022 chỉ đạt 59,27% kế hoạch).



2. Thu hút đầu tư trực tiếp



3. Đăng ký doanh nghiệp

	Đến 15/10/2023	So với cùng kỳ năm trước (%)
DN đăng ký thành lập mới	1.246	110,95
DN hoạt động trở lại	318	87,6
DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	673	131,45
DN đã hoàn tất thủ tục giải thể	114	167,65

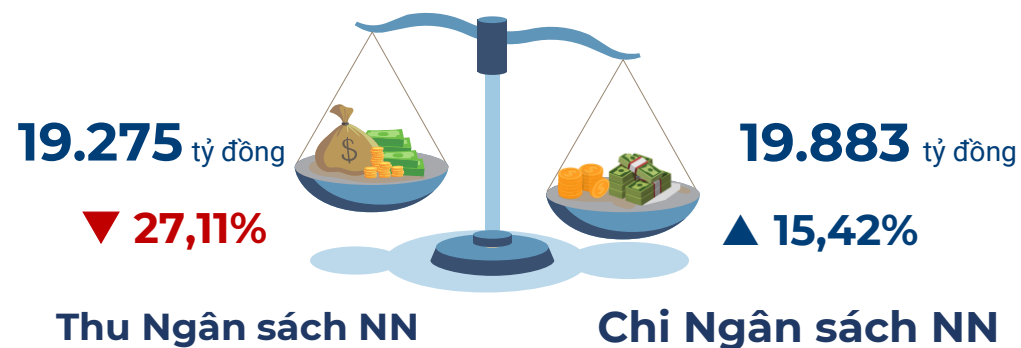
Trung bình mỗi tháng



V. THU CHI NSNN

Tính đến 15/10/2023, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 19.275 tỷ đồng, giảm 27,11% so với cùng kỳ, bằng 59,62% dự toán giao đầu năm trong điều kiện thực hiện giãn, hoãn, miễn giảm thuế, phí, lệ phí và bối cảnh suy giảm trong sản xuất ngành công nghiệp.

Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 19.883 tỷ đồng, tăng 15,42% so với cùng kỳ.



VI. NGÂN HÀNG

Mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm. Lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn giảm khoảng 1,5-2%/năm so với cuối năm 2022.

Dự kiến đến 31/10/2023

Tổng nguồn vốn huy động
tăng 9,51% so với cuối năm 2022. **120.000 tỷ đồng**

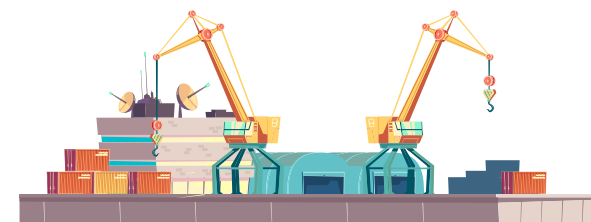
Tổng dư nợ cho vay
tăng 5,36% so với cuối năm 2022. **122.000 tỷ đồng**

Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 0,79%.



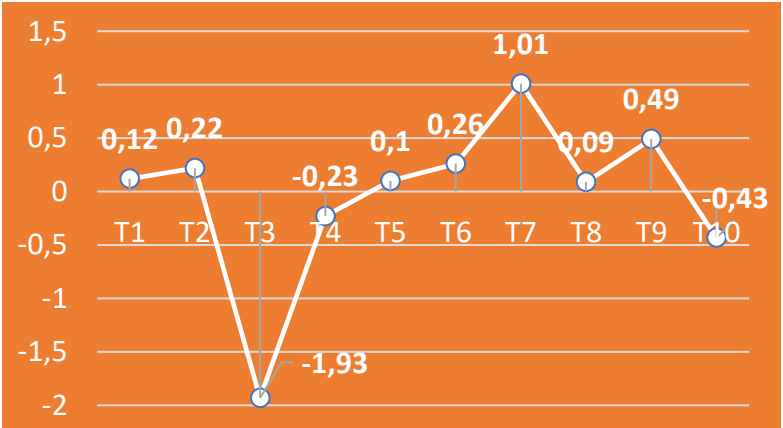
Xuất nhập khẩu

(10T đầu năm so với cùng kỳ)



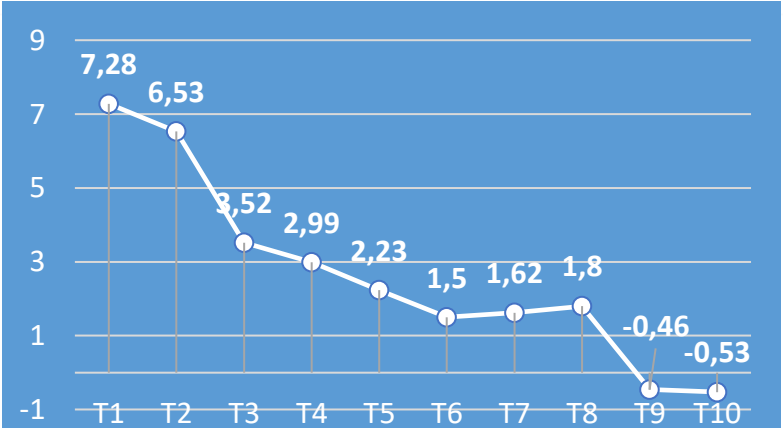
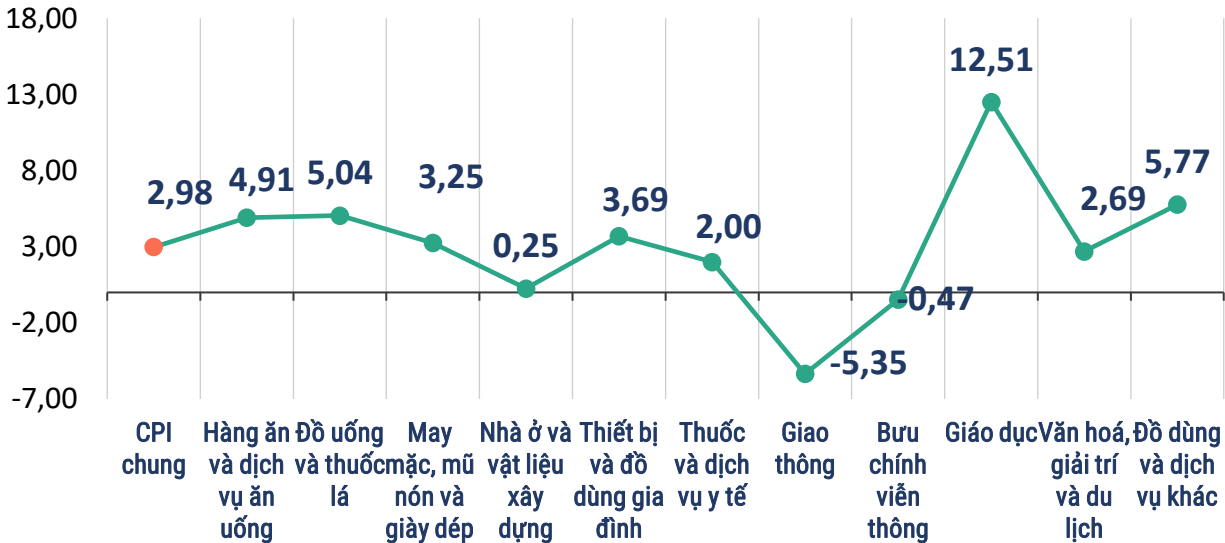
VII. CHỈ SỐ GIÁ

Nguồn cung các mặt hàng thực phẩm dồi dào, trong khi nhu cầu tiêu thụ của người dân có phần chững lại làm cho giá thực phẩm giảm, cùng với đó, giá xăng dầu, điện, nước sinh hoạt và giá vật liệu xây dựng có chung xu hướng giảm đã tác động làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2023 giảm 0,43% so với tháng trước, giảm 0,53% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao trong tháng đầu năm nhưng có xu hướng giảm dần, tính bình quân 10 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,62% so với bình quân 10 tháng năm 2022.



CPI các tháng năm 2023 so tháng trước (%)

CPI bình quân 10 tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)



CPI các tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)

VII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Các hoạt động thể thao diễn ra sôi nổi trên địa bàn tỉnh như: giải vô địch Vật cổ điển, Vật tự do Quốc gia năm 2023, tham dự giải có hơn 300 vận động viên của 19 đội đến từ các tỉnh, thành, ngành; cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng lần thứ X năm 2023 có 16 môn thi đấu, với trên 3.500 vận động viên là học sinh phổ thông, học sinh Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên tham gia, tranh tài 231 bộ huy chương; hội thao chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống các Ban xây dựng Đảng và văn phòng cấp ủy, hội thao đã thu hút 778 vận động viên thuộc 43 đoàn đến từ các Chi, Đảng bộ thuộc Đảng ủy Khối. 941 người tăng 1,22% so cùng kỳ. Toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho trên 15.000 lao động, bằng 93,75% so với kế hoạch.



An toàn giao thông

58 vụ

32 người chết

64 người bị thương



Thiên tai

04 vụ



Cháy nổ

12 vụ

Chưa ước tính được thiệt hại



Vi phạm môi trường

319 vụ

Đã phát hiện và xử lý 319 vụ

Tổng số tiền xử phạt 2,7 tỷ đồng